

Bản án số: 215 /2017/HSST
Ngày 25-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở văn phòng khu phố N1, phường A, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 230/2017/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2017/HSST-QĐ ngày 09/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Văn T, sinh năm 1988 tại tỉnh An Giang; thường trú: Khu phố C, phường H, thị xã C, tỉnh An Giang; chỗ ở: Khu phố 2, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn H (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; bị cáo có 4 anh em ruột, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1993; có vợ tên Lại Thị Trúc M, sinh năm 1995 và có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giam ngày 22/4/2017, có mặt.

2. Trần Văn C, sinh năm 1994 tại tỉnh Quảng Nam; thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở: Khu phố 6, phường X, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn N, sinh năm 1970 và con bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1973; bị cáo có 2 chị em ruột, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giam ngày 22/4/2017, có mặt.

Người bị hại:

Chị Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1989; thường trú: Ấp H, xã H, Thành phố X, tỉnh An Giang; chỗ ở: Khu phố L2, phường G, thị xã A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

1. Anh Dương Minh T, sinh năm 1990; thường trú: Ấp 3 xã K, huyện M, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Cao Đ, sinh năm 1981; thường trú: Ấp K, thị trấn A, huyện T, Thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Khu phố 1, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người làm chứng:

Anh Đậu Anh T, sinh năm 1985; thường trú: Khối 1B, thị trấn N, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Khu phố P, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 21/4/2017, bị cáo Huỳnh Văn T điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave, biển số 54S1-3032 chở Trần Văn C từ Thành phố H, tỉnh Đồng Nai về nhà trọ của C ở quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, khoảng 21 giờ cùng ngày T, C lưu thông trên đường Lê Hồng Phong gần ngã 4 Chiêu Liêu địa chỉ tổ 8 khu phố P, phường B, thị xã K gặp chị Nguyễn Thị Hồng D đang điều khiển xe mô tô biển số 67B1-558.95, chị D vừa chạy xe vừa nghe điện thoại. T rủ C giật điện thoại chị D, khi T chở C đi sau chị D khoảng 20m, C nói T dừng xe để C điều khiển xe chở T, sau đó C điều khiển xe chạy lên ép sát phía bên trái xe chị D, T dùng tay phải giật điện thoại chị D và nói “chạy nhanh đi”, chị D truy hô và cùng người đi đường truy đuổi, khi chạy được khoảng 1 km C và T tự ngã xe, C chạy trốn vào khu trồng cây bên đường sau đó bị bắt. T bỏ chạy và mang điện thoại cầm cho anh Nguyễn Cao Đ chủ tiệm cầm đồ Phương Anh 2, địa chỉ khu phố 1, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 2.000.000đồng, đến 22 giờ 40 ngày 22/4/2017 T bị bắt.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7; 01 xe mô tô kiểu dáng Wave, biển số 54S1-3032.

Kết luận định giá tài sản số 101 ngày 25/5/2017, Hội đồng định giá tài sản thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương kết luận điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 trị giá 4.800.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Hồng D đã nhận được tài sản điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7. Anh Nguyễn Cao Đ yêu cầu bị cáo Huỳnh Văn T phải bồi thường số tiền 2.000.000đồng.

Cáo trạng số 232/QĐ/KSĐT ngày 04/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Huỳnh Văn T, Trần Văn C về tội Cướp giật tài sản theo Điều d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa,

trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Điểm d Khoản 2 Điều 136; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù, bị cáo C từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh Nguyễn Cao Đ số tiền 2.000.000đồng .

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Huỳnh Văn T: Không nói lời sau cùng

Bị cáo Trần Văn C: Bị cáo biết việc mình làm là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi người bị hại và gia đình bị cáo. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất để bị cáo sớm về gia đình hòa nhập cộng đồng làm người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên Tòa bị cáo Huỳnh Văn T, Trần Văn C thừa nhận vào khoảng 21 giờ ngày 21/4/2017, khi T điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave, biển số 54S1-3032 chở C về phòng trọ, khi lưu thông trên đường Lê Hồng Phong địa chỉ tổ 8, khu phố P, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương gặp chị Nguyễn Thị Hồng D đang điều khiển xe mô tô biển số 67B1-558.95 (một tay điều khiển xe, một tay cầm điện thoại đang nói chuyện), T đã rủ C giật điện thoại chị D, sau đó C điều khiển xe áp sát chị D, T ngồi sau dùng tay phải giật điện thoại chị D, sau đó cả hai tẩu thoát.

Tại Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

a) Có tổ chức;

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm ;

Như vậy, với việc điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường, bị cáo Huỳnh Văn T, Trần Văn C đã áp sát giật 01 điện thoại di động của chị Nguyễn Thị Hồng D đang điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường. Hành vi trên của các bị cáo T, C đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản được quy định tại Điểm d (dùng thủ đoạn nguy hiểm) Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng số 232/QĐ-KSDT ngày 04/8/2017 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo Huỳnh Văn T, Trần Văn C là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản, sức khỏe của chị Nguyễn Thị Hồng D được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo T, C mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ tội phạm các bị cáo đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo C, T không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản thiệt hại không lớn. Tình tiết trên được quy định tại Điểm g, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo C, T có nhân thân tốt thể hiện việc các bị cáo có nghề nghiệp ổn định, không có tiền án, tiền sự và nhất thời phạm tội.

[4]. Trong vụ án có đồng phạm, bị cáo T là người rủ rê khởi xướng bị cáo C phạm tội, bị cáo C điều khiển xe để bị cáo T giật tài sản, các bị cáo cùng tham gia với vai trò thực hành. Do vậy, xét tính chất mức độ hành vi phạm tội từng bị cáo, mức án bị cáo T phải cao hơn bị cáo C.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Hồng D đã nhận được tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác, Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Cao Đ yêu cầu bị cáo Huỳnh Văn T phải bồi thường số tiền 2.000.000đồng do anh Đ cầm điện thoại cho bị cáo T. Yêu cầu trên của anh Đ là đúng pháp luật, do vậy buộc bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường.

[6] Về vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu Wayec, biển số 54S1-3032 là tài sản hợp pháp của anh Dương Minh T, anh T cho bị cáo T mượn xe, anh T không biết xe bị cáo T mượn sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra đã trả lại xe cho anh T là đúng quy định pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với bị cáo C cũng như việc buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh Đ 2.000.000đồng. Quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận. Đối với mức án bị cáo T có phần nghiêm khắc, do vậy, Hội đồng xét xử xử mức án bị cáo T thấp hơn mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo T, C phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm, bị cáo T phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn T, Trần Văn C phạm tội Cướp giật tài sản.

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 136; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo T, C

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 03 (ba) năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo Huỳnh Văn T và Trần Văn C tính từ ngày 22/4/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Cao Đ số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Các bị cáo Huỳnh Văn T, Trần Văn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo T phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (01)
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (01);
- Trại giam CA tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi bị cáo cư trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT,HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Linh